

UBND TỈNH BẮC NINH

**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG KINH
PHÍ ĐO ĐẠC, LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH; ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI; LẬP HỒ SƠ ĐỊA
CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI**

(Kèm theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 của UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị	Kinh phí bổ sung (triệu đồng)
	Tổng cộng	198.661
1	Xã Đại Sơn	52
2	Xã Sơn Động	1.098
3	Xã Dương Hưu	37
4	Xã Yên Định	25
5	Xã Vân Sơn	23
6	Xã Tuấn Đạo	20
7	Xã Biền Động	318
8	Xã Sơn Hải	47
9	Xã Đèo Gia	52
10	Xã Tân Sơn	22
11	Xã Biên Sơn	56
12	Xã Sa Lý	33
13	Xã Kiên Lao	6
14	Phường Chũ	5
15	Xã Lục Sơn	5.132
16	Xã Trường Sơn	5.087
17	Xã Cẩm Lý	5.662
18	Xã Đông Phú	3.917
19	Xã Nghĩa Phương	7.400
20	Xã Lục Nam	7.778
21	Xã Bắc Lũng	5.870
22	Xã Bảo Đài	12.198
23	Xã Lạng Giang	10.026
24	Xã Mỹ Thái	12.475
25	Xã Kép	8.174
26	Xã Tân Dĩnh	6.745
27	Xã Tiên Lục	11.578
28	Xã Yên Thế	6.637
29	Xã Bồ Hạ	8.207
30	Xã Đồng Kỳ	8.336

Stt	Đơn vị	Kinh phí bổ sung (triệu đồng)
31	Xã Xuân Lương	5.322
32	Xã Tam Tiến	2.768
33	Xã Phúc Hòa	8.390
34	Xã Quang Trung	3.722
35	Xã Hoàng Vân	1.838
36	Phường Việt Yên	4.141
37	Phường Vân Hà	1.414
38	Xã Đồng Việt	1.101
39	Phường Đa Mai	11.084
40	Phường Tân An	3.831
41	Phường Yên Dũng	2.767
42	Phường Từ Sơn	1.368
43	Phường Phù Khê	1.861
44	Phường Trí Quả	310
45	Phường Song Liễu	66
46	Phường Đào Viên	58
47	Xã Phù Lãng	20
48	Xã Văn Môn	43
49	Xã Tam Giang	34
50	Xã Yên Trung	14
51	Xã Tam Đa	124
52	Xã Tiên Du	2.744
53	Xã Liên Bảo	2.076
54	Xã Tân Chi	3.195
55	Xã Đại Đồng	2.433
56	Xã Phật Tích	2.122
57	Xã Đại Lai	1.464
58	Xã Cao Đức	3.421
59	Xã Đông Cứu	1.433
60	Xã Trung Chính	761
61	Xã Trung Kênh	1.720